|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /TTr-SKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ**

**khoa học và công nghệ của Thủ đô**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KHCN) của Thủ đô như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (khoản 1 Điều 23); Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày
01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức
hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số
79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống
hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày
01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động
của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ
Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển
đổi số quốc gia;

Quyết định số 8602-QĐ/TU ngày 15/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy
cập nhật Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày
22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới
sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ
quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 39/2024/QH14 quy định:

“*Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô*”.

Ủy ban nhân dân Thành phố được giao quy định chi tiết một số nội dung phục vụ triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Nghị quyết):

Khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết quy định:

“*2. Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Thành phố là nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô khi đáp ứng đủ điều kiện.*

*3. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định điều kiện, thủ tục đặt hàng, công nhận nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.*”

Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết quy định:

“Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể tiêu chí xác định hệ số k trong Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô, trong đó ưu tiên các tiêu chí về chất lượng của sản phẩm cuối cùng.”

Khoản 6 Điều 16 Nghị quyết quy định:

“*Ủy ban nhân dân Thành phố quy định các trường hợp cần thu hồi sớm hơn thời hạn 03 năm để đảm bảo kịp thời triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ*.”

**2. Cơ sở thực tiễn**

Hà Nội là Thủ đô - Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia,
trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một
động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước. Từ năm 2012
đến nay, thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp
hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự
nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định
hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày
05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà
Nội, Chương trình số 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về đẩy mạnh
phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố giai
đoạn 2021 - 2025, phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công
nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô đã có chuyển biến tích cực. Hà Nội dẫn đầu cả
nước về Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) năm 2023 và 2024, số lượng
công bố quốc tế, số đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích. Đóng góp của năng
suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP đạt bình quân trên 50%, cao hơn
mức trung bình cả nước.

Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ của Thủ đô hiện nay còn tồn
tại một số điểm nghẽn: tốc độ bứt phá về phát triển khoa học và công nghệ còn
chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ còn khoảng cách xa so
với nhóm các nước phát triển; chưa khai thác hết tiềm lực khoa học, công nghệ
từ Trung ương và các trường Đại học trên địa bàn; nghiên cứu, ứng dụng khoa
học, công nghệ chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ lõi; cơ chế,
chính sách chưa đáp ứng yêu cầu, định mức chi và tỷ lệ đầu tư, tỷ lệ giải ngân
cho khoa học, công nghệ còn thấp; kết nối nghiên cứu khoa học với thị trường
và doanh nghiệp còn yếu; chưa có giải pháp để khơi thông nguồn lực ngoài ngân
sách nhà nước để đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ; nguồn nhân lực
chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng khoa học và công nghệ chưa đồng bộ, hệ
thống dữ liệu thiếu đầy đủ, phân tán, chưa thực sự trở thành tài nguyên, nguồn
lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; hệ thống ươm tạo, hỗ trợ khởi
nghiệp sáng tạo còn thiếu kết nối, thiếu cơ chế vận hành chuyên nghiệp; hợp tác
"ba nhà" (nhà nước – nhà khoa học – doanh nghiệp) còn chưa chặt chẽ, thiếu các
dự án mang tính liên ngành, liên lĩnh vực quy mô lớn.

Xuất phát từ thực tiễn triển khai và kết quả đạt được của hoạt động phát
triển khoa học và công nghệ của Thành phố giai đoạn vừa qua, sự cần thiết triển
khai thực hiện các chủ trương, định hướng, mục tiêu phát triển khoa học và công
nghệ của Trung ương về “Xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là
trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trungtâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hộinhập quốc tế”[[1]](#footnote-1), “tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô toàn
diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế”,
“thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước”, xác định
“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là đột phá quan trọng hàngđầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệsản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội,ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷnguyên mới”, yêu cầu “Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả cácnghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị,Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mớisáng tạo, chuyển đổi số quốc gia”[[2]](#footnote-2), cũng như hướng tới các mục tiêu phát triển
của Thành phố trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

Đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân từ 2
con số; kinh tế số đạt 40% GRDP;

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng
kinh tế đạt trên 55%;

- Tỷ lệ chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) chiếm 2% GRDP;

- Tỷ trong kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển
(R&D) chiếm 60%;

- Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới
sáng tạo và chuyển đổi số đạt từ 3% tổng chi ngân sách nhà nước trở lên;

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10% năm;

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm;

- Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển
một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số có lợi thế thuộc nhóm 5
tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước;

- Có 8 - 10 tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố được
xếp hạng khu vực và thế giới;

- Luôn dẫn đầu cả nước về chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII);

- Xây dựng và triển khai đề án thu hút ít nhất 200 chuyên gia nhà khoa học
là người Việt Nam ở nước ngoài hợp tác, làm việc với thành phố Hà Nội;

Đến năm 2045: Hà Nội trở thành trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới
sáng tạo tầm quốc gia/quốc tế; là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật
liệu mới, sinh học,...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng
rãi.[[3]](#footnote-3)

Để có thể hiện thực hóa những mục tiêu tham vọng, hiện thực hóa yêu cầu
phát triển Thủ đô, hài hòa với mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
để có thể biến các định hướng, chủ trương của Đảng thành hiện thực, bước tất
yếu đầu tiên phải thể chế hóa các chủ trương thành quy định pháp luật để chủ
trương có thể đi vào đời sống. Ngày 28/6/2024, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật Thủ đô số
39/2024/QH15 trong đó bao gồm một số nội dung quy định các chính sách đặc
thù phát triển khoa học, công nghệ của Thủ đô. Đây là bước đi đầu tiên để từng
bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của Thủ đô.

Để chi tiết hóa các quy định tại Luật Thủ đô, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành các Nghị quyết quy định chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố. Trong đó, ngoài nội dung ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô quy định tại Luật Thủ đô số 39/2025/QH15, Hội đồng nhân dân Thành phố cũng giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục, tiêu chí áp dụng chính sách. Vì vậy, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 22/7/2024 về việc triển khai thi hành Luật Thủ đô. Xuất phát từ những căn cứ nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô.

Giai đoạn trước đây, UBND Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND (sau đây gọi là Quy chế 05). Quy chế 05 được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 và Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 (sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với nhóm nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030).

Ngày 27/12/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (có hiệu lực từ ngày 10/02/2025). Việc quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN từ ngày Thông tư có hiệu lực.

Ngày 27/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 với nhiều quy định, chính sách mới, bao gồm những chính sách, quy định liên quan đến quản lý, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

*Về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố*

Trong giai đoạn 2021-2025, Thành phố đã giao dự toán chi thường xuyên lĩnh vực KH&CN đảm bảo đúng quy định, đáp ứng nhu cầu về phát triển KH&CN, công nghệ thông tin của Thành phố. Dự toán chi thường xuyên cho KH&CN giao đảm bảo không thấp hơn số giao của Bộ KH&CN.

Tổng dự toán kinh phí chi thường xuyên NSNN đã bố trí cho lĩnh vực KHCN giai đoạn 2021-2025 là 3.901,7 tỷ đồng được bố trí cho chi hoạt động bộ máy, chi thường xuyên, chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN (đề tài, đề án, dự án KH&CN, …), chi không thường xuyên khác. Phần chi không thường xuyên khác chủ yếu được bố trí cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ luôn được quan tâm với số kinh phí được bố trí vào khoảng 100 tỷ đồng mỗi năm.

Tỷ lệ bố trí kinh phí chi NSNN cho KH&CN giai đoạn này chiếm khoảng 0,65% tổng chi ngân sách địa phương, đạt khoảng 0,11% GRDP.

*Cơ cấu lại các Chương trình KHCN*

Kể từ khi Quy chế 05 có hiệu lực và đưa vào áp dụng, hoạt động quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố đã đạt được những kết quả chính sau:

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 về việc thành lập các chương trình KH&CN thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 gồm 09 chương trình[[4]](#footnote-4) (giảm 03 chương trình so với giai đoạn trước). Bên cạnh đó, Thành phố còn triển khai các nhiệm vụ KH&CN thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.

*Đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp triển khai các nhiệm vụ KHCN*

Hoạt động đặt hàng nghiên cứu các vấn đề quan trọng, cấp thiết phục vụ quá trình phát triển Thủ đô được đặc biệt chú trọng, nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội, tăng cường phát huy trí tuệ của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, thu hút sự tham gia của đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hà Nội là địa phương được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá là địa phương đi đầu trong thực hiện đặt hàng nhiệm vụ KHCN. Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức các buổi làm việc với các quận, huyện, thị xã và các Trường Đại học trên địa bàn để tìm hiểu thực tiễn và nhu cầu của các ngành, địa phương, từ đó lựa chọn và xác định được các nhiệm vụ có tính cấp thiết, có tính ứng dụng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội để đặt hàng nghiên cứu.

Tổng số nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án, đề án) triển khai thực hiện trong trong giai đoạn 2021-2025 là 347 nhiệm vụ, trong đó có 124 nhiệm vụ chuyển tiếp từ giai đoạn trước, 223 nhiệm vụ mới (214 nhiệm vụ tuyển chọn, 9 nhiệm vụ giao trực tiếp). Đa số nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức tuyển chọn (chiếm tỷ lệ trên 90%), một số nhiệm vụ đặc thù liên quan đến quốc phòng, an ninh được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp. Tổng số nhiệm vụ KH&CN thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030 trong giai đoạn 2021-2025 là 64 nhiệm vụ (đều theo hình thức tuyển chọn). Công tác quản lý nhiệm vụ KHCN đảm bảo công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ KHCN đột xuất được triển khai kịp thời, đảm bảo tiến độ và tính cấp thiết.

*Tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn*

Giai đoạn 2021-2025 đã tổ chức nghiệm thu Thành phố cho hơn 200 đề tài, dự án KH&CN (39 nhiệm vụ năm 2021, 41 nhiệm vụ năm 2022, 70 nhiệm vụ năm 2023, 59 nhiệm vụ năm 2024, 46 nhiệm vụ tính đến tháng 10/2025).

Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN được phổ biến, triển khai ở các mức độ và quy mô khác nhau, góp phần phát huy hiệu quả trong các lĩnh vực. Sản phẩm của các công trình nghiên cứu khoa học đã góp phần thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ và năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố, đóng góp để thực hiện 5 định hướng lớn, 3 khâu đột phá, 13 nhiệm vụ - giải pháp và 10 chương trình công tác toàn khóa của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Thông qua triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN, đã có trên 100 bài báo khoa học được công bố hàng năm trên các tạp chí, bản tin khoa học (trung bình 2 - 3 bài báo/nhiệm vụ), thu hút khoảng 2000 lượt chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý (trung bình 12 - 15 lượt/nhiệm vụ) tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN, khoảng 1000 lượt người tham gia các hội thảo, tọa đàm khoa học được tổ chức trong khuôn khổ các nhiệm vụ KHCN (trung bình 30 - 50 đại biểu/hội thảo). Ngoài ra, các nhiệm vụ KHCN còn góp phần hỗ trợ đào tạo sau đại học, nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học cho đội ngũ trí thức trên địa bàn Thành phố, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô.

*Hạn chế* *trong thi hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố*

Sau một thời gian triển khai, đến nay các quy định quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố đã bộc lộ một số hạn chế, không còn phù hợp với tình hình mới, đặc biệt trong bối cảnh cả nước đang tích cực triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, sắp xếp, tinh gọn bộ máy; Thành phố đang triển khai thi hành Luật Thủ đô, đặt mục tiêu tăng trưởng 2 con số dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,…

- Công tác quản lý nhiệm vụ KHCN vẫn phải qua nhiều bước, kéo dài thời gian.

- Chưa phân định rõ giữa (1) nhiệm vụ KHCN do các cơ quan, đơn vị của Thành phố đặt hàng để thực hiện và ứng dụng trực tiếp tại cơ quan, đơn vị đặt hàng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước với các (2) nhiệm vụ KHCN do tổ chức, cá nhân đề xuất để nhận hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để nghiên cứu, chế tạo, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, sản phẩm thay thế hàng ngoại nhập,… để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn, góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của tổ chức được hỗ trợ.

- Số lượng doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố còn khiêm tốn[[5]](#footnote-5).

- Quy định về cách thức xử lý đối với trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ KHCN do rủi ro trong nghiên cứu khoa học thiếu cụ thể.

*Nguyên nhân của hạn chế*

- Việc quy định quy trình áp dụng chung đối với các loại hình nhiệm vụ KHCN trong hình thức triển khai, cấp kinh phí,… là thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với yêu cầu, tính chất của từng hoạt động và sản phẩm đầu ra của mỗi loại hình nhiệm vụ KHCN.

- Các quy định vẫn còn nặng tính quản lý hành chính, chưa thực sự phù hợp với đặc thù nghiên cứu, phát hiện, phát triển mới, tiềm ẩn rủi ro của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Cơ chế quản lý tài chính của nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố còn phức tạp, việc cấp kinh phí còn chịu hạn chế bởi niên độ ngân sách năm, chưa có quy định rõ ràng về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN đối với tổ chức chủ trì. Tỷ lệ đối ứng của doanh nghiệp khi triển khai dự án sản xuất thử nghiệm còn khá lớn (70%) nên chưa khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, cần thiết sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN của Thủ đô nhằm đáp ứng các yêu cầu mới, tăng cường phân cấp, ủy quyền và nâng cao hiệu quả quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thủ đô nói riêng, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô nói chung.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN của Thủ đô nhằm:

- Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương mới, các quy định pháp luật mới liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ quy định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với vị trí, vai trò, điều kiện thực tế của Thủ đô Hà Nội.

- Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thông qua hình thức hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KHCN, thúc đẩy ứng dụng KHCN vào đời sống, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số đến năm 2030.

- Phân cấp, ủy quyền quản lý nhiệm vụ KHCN, bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách cấp xã phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (trước đây, ngân sách nhà nước cấp xã không được chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học); bổ sung quy trình quản lý phù hợp với từng loại hình nhiệm vụ KHCN (đặt hàng, tài trợ), bổ sung quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở phù hợp quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, góp phần tạo hành lang pháp lý thông thoáng, góp phần thúc đẩy phát triển KHCN trên địa bàn Thành phố.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

a) Quy định chi tiết nội dung được giao tại Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 và tại Nghị quyết của HĐND Thành phố; kế thừa nguyên tắc quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các quy định liên quan trên tinh thần tiếp thu, cụ thể hóa các quy định đột phá về phát triển khoa học và công nghệ của Trung ương; đồng thời có các tiêu chí riêng, phù hợp với thành phố Hà Nội; phù hợp với thẩm quyền của UBND Thành phố.

b) Có sự khảo sát, đánh giá để quy định phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của Thành phố; phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của Thủ đô trong giai đoạn tới.

c) Có sự tham gia ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, các sơ, ban, ngành Thành phố, các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố.

d) Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

1. Sau khi Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội thông qua, Ban
Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã ban hành Quyết định số 8602-QĐ/TU ngày
15/5/2025 cập nhật Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW
của Bộ Chính trị, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 22/7/2024 của UBND Thành phố về triển khai thi hành Luật Thủ đô, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 1061/QĐ-SKHCN ngày 15/11/2024 thành lập Tổ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Thủ đô trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức soạn thảo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô; tổ chức đánh giá Tổng kết thi hành quy định về quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố giai đoạn 2021 đến nay nhằm đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế trong qua trình triển khai Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND Thành phố, Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; tổ chức hội thảo xin ý kiến chuyên gia, nhà khoa học; đăng tải dự thảo Quy chế trên Cổng Giao tiếp điện tử Thành phố để xin ý kiến rộng rãi và gửi văn bản xin ý kiến đến Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các trường, viện, doanh nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai đợt tuyên truyền rộng rãi về dự thảo Quy chế trên Trang Thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội. Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, giải trình toàn bộ các góp ý của các đơn vị.

3. Sở Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số …/BC-STP ngày …/…/2025.

4. Đảng ủy UBND Thành phố đã có Thông báo kết luận số …-TB/ĐU ngày …/…/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô.

5. Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô theo ý kiến thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quản lý đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước;

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**2. Bố cục của dự thảo văn bản**

Dự thảo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô gồm 10 chương, 62 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 3 điều);

Chương II. Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố đặt hàng (gồm 6 mục, 24 điều);

Chương III. Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố tài trợ (gồm 6 điều);

Chương IV. Công nhận nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Thành phố (gồm 3 điều).

Chương V. Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ xã, phường đặt hàng (gồm 6 điều)

Chương VI. Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở (gồm 5 điều).

Chương VII. Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô có chứa bí mật nhà nước (gồm 1 điều).

Chương VIII. Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập (gồm 3 điều).

Chương IX. Tổ chức, quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô (gồm 8 điều).

Chương X. Điều khoản thi hành (gồm 3 điều).

Quy chế có 1 Phụ lục và 46 Biểu mẫu kèm theo.

**3. Nội dung cơ bản**

**Chương I: Những quy định chung**

Quy định phạm vi, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ. Nổi bật: Nhiệm vụ KHCN của Thủ đô bao gồm nhiệm vụ sử dụng ngân sách Thành phố (trọng điểm và khác), xã/phường, cơ sở; và nhiệm vụ không sử dụng ngân sách được công nhận trọng điểm. Điểm mới: Bổ sung định nghĩa nhiệm vụ xã/phường (do UBND cấp xã phê duyệt, tài trợ từ ngân sách xã) và nhiệm vụ cơ sở (tổ chức KHCN thuộc Thành phố chủ động, sử dụng ngân sách giao theo Luật KHCN&ĐMST 2023), nhấn mạnh hình thức đặt hàng và tài trợ để tăng tính linh hoạt, hỗ trợ ứng dụng thực tiễn.

**Chương II: Quản lý nhiệm vụ KHCN Thành phố đặt hàng**

Quy định toàn diện từ đề xuất đầu vào đến thanh lý hợp đồng, với 6 mục chính.

* **Mục 1: Quy định chung về nhiệm vụ KHCN Thành phố đặt hàng**: Tiêu chí chung (tính khả thi, không trùng lặp) và riêng cho lĩnh vực ứng dụng/phát triển công nghệ, xã hội (yêu cầu sáng tạo, tác động kinh tế-xã hội, ít nhất 2 bài báo Q1 hoặc bằng sáng chế đối với nhiệm vụ trọng điểm). Điểm mới: Nhấn mạnh cam kết ứng dụng/thương mại hóa, lộ trình dài hạn không ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường/cộng đồng.
* **Mục 2: Đặt hàng nhiệm vụ**: Căn cứ (chỉ đạo Thành ủy, định hướng quốc gia/Thủ đô), trình tự (Sở KHCN hướng dẫn, tổng hợp đề xuất, thành lập Hội đồng tư vấn nếu cần), phê duyệt danh mục. Nổi bật: Hội đồng đặt hàng làm việc dân chủ, kết luận cần >3/4 thành viên đồng ý; thông báo công khai danh mục để tuyển chọn/giao trực tiếp.
* **Mục 3: Tuyển chọn, giao trực tiếp**: Nguyên tắc (công khai, minh bạch), điều kiện tổ chức/cá nhân (tư cách pháp nhân, không vi phạm), hồ sơ (thuyết minh tối đa 20 trang, cam kết vốn đối ứng), quy trình (thành lập Hội đồng, Tổ thẩm định tài chính; điểm trung bình ≥70/100 để trúng tuyển). Điểm mới: Thời gian ký hợp đồng tối đa 120 ngày từ hết hạn nộp hồ sơ, cho phép rút gọn với nhiệm vụ đột xuất; ưu tiên hồ sơ có kinh phí đề xuất thấp hơn nếu điểm bằng nhau.
* **Mục 4: Đánh giá định kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng**: Đánh giá định kỳ (6 tháng/lần, qua tổ chuyên gia), cấp tiếp kinh phí (dựa kết quả đánh giá), điều chỉnh (chỉ 1 lần, tối đa 12 tháng gia hạn). Nổi bật: Linh động điều chỉnh với yếu tố bất khả kháng, tham vấn chuyên gia cho nội dung phức tạp.
* **Mục 5: Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra**: Hồ sơ (báo cáo, minh chứng sản phẩm), nộp hồ sơ (trực tuyến/trực tiếp), đánh giá qua tổ chuyên gia (trung thực, khách quan, tập trung tác động thực tiễn). Điểm mới: Đánh giá hiệu quả đầu ra qua tương xứng nguồn lực - kết quả, giá trị khoa học/ứng dụng.
* **Mục 6: Chấm dứt thực hiện và thanh lý hợp đồng**: Các trường hợp chấm dứt (không cần thiết, vi phạm), thanh lý (trong 30 ngày sau đánh giá/chấm dứt). Nổi bật: Xử lý tài sản theo quy định, đăng ký/lưu giữ kết quả.

**Chương III: Quản lý nhiệm vụ KHCN Thành phố tài trợ**

Đề xuất (phù hợp tiêu chí Chương II), trình tự xét (thông báo định hướng, lập hồ sơ tương tự đặt hàng, qua Hội đồng xét tài trợ/Tổ thẩm định). Điểm mới: Hình thức tài trợ bổ sung linh hoạt cho tổ chức/cá nhân đề xuất, không thuộc tổ chức đặt hàng; quản lý tương tự Chương II (đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt), nhấn mạnh cam kết ứng dụng.

**Chương IV: Công nhận nhiệm vụ KHCN trọng điểm đối với nhiệm vụ không sử dụng ngân sách Thành phố**

Điều kiện (doanh nghiệp trụ sở Hà Nội, nội dung trọng điểm, ứng dụng địa bàn), trình tự (nộp hồ sơ, Hội đồng công nhận, quyết định trong 7 ngày nếu đủ điều kiện). Điểm mới: Bổ sung cơ chế công nhận để khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp, từ đó góp phần tăng tỷ lệ chi cho KHCN trong GRDP, góp phần nâng cao hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khu vực kinh tế tư nhân.

**Chương V: Quản lý nhiệm vụ KHCN xã, phường đặt hàng**

Yêu cầu (phù hợp địa phương, giải quyết vấn đề cơ sở), căn cứ (chỉ đạo cấp xã), trình tự (UBND cấp xã chủ động, Hội đồng tư vấn), điều kiện tổ chức/cá nhân (tương tự Thành phố). Điểm mới: Bổ sung quản lý cấp xã/phường để tăng tính địa phương hóa, linh động rút gọn thời gian phù hợp cấp bách; đánh giá/thanh lý tương tự nhưng do UBND cấp xã quyết định.

**Chương VI: Quản lý nhiệm vụ KHCN cơ sở**

Yêu cầu (phù hợp chiến lược tổ chức KHCN công lập), phương thức (đặt hàng/tài trợ), quản lý do tổ chức KHCN thuộc Thành phố chịu trách nhiệm. Điểm mới: Bổ sung nhiệm vụ cơ sở để tổ chức KHCN chủ động, thu hút nguồn ngoài ngân sách; linh động quy trình, thời gian phù hợp đặc thù.

**Chương VII: Quản lý nhiệm vụ KHCN của Thủ đô có chứa bí mật nhà nước**

Tuân thủ pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước. Nổi bật: Đảm bảo bảo mật trong tổ chức/quản lý.

**Chương VIII: Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập**

Điều kiện (trình độ, không xung đột lợi ích), trách nhiệm (độc lập, giữ bí mật), lấy ý kiến (ít nhất 2 chuyên gia). Nổi bật: Hỗ trợ đánh giá khách quan.

**Chương IX: Tổ chức, quản lý nhiệm vụ KHCN của Thủ đô**

Trách nhiệm các bên (tổ chức Thành phố, Sở KHCN, Quỹ, UBND cấp xã, tổ chức KHCN, tổ chức/cá nhân chủ trì/chủ nhiệm). Điểm mới: Sở KHCN đánh giá tác động, Quỹ quản lý kinh phí; báo cáo định kỳ, nhấn mạnh ứng dụng/thương mại hóa.

**Chương X: Điều khoản thi hành**

Thanh tra/kiểm tra, khen thưởng, tổ chức thực hiện (Sở KHCN hướng dẫn, linh hoạt với Quỹ chưa thành lập). Nổi bật: Xử lý vi phạm theo pháp luật, khuyến khích khen thưởng thành tích.

Quy chế có Phụ lục I về định mức hệ số k cho nhiệm vụ trọng điểm. Tổng thể, dự thảo tăng tính minh bạch, linh hoạt, thúc đẩy ứng dụng thực tiễn, phù hợp Luật mới. Hệ thống biểu mẫu đi kèm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Quy chế một cách thuận lợi.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

**1.** **Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành Quy chế**

Dự kiến Kinh phí phục vụ triển khai thực hiện Quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố được đảm bảo từ Ngân sách Thành phố và các nguồn hợp pháp khác.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu bố trí 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ước tính 10% trong số này được bố trí để phục vụ thực hiện các chính sách đặc thù phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết này (tương ứng khoảng 392 tỷ đồng/năm).

Các nguồn kinh phí hợp pháp khác chủ yếu là vốn đối ứng của doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ dưới dạng dự án sản xuất thử nghiệm (ước tính khoảng 30 tỷ/năm).

**2.** **Thời gian trình ban hành**

Dự kiến trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trong Quý IV năm 2025.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ xin kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo các tài liệu: Dự thảo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố, dự thảo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô, Báo cáo tổng kết thi hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố, bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo, báo cáo đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc ).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chủ tịch UBND TP (để b/c);- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn (để b/c);- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;- Các sở, ban, ngành;- UBND các xã, phường;- VP UBND Thành phố;- Lưu: VT, KHSHTTChi. | **GIÁM ĐỐC****Trần Anh Tuấn** |

1. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 8602-QĐ/TU ngày 15/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy. [↑](#footnote-ref-3)
4. CT01: Chương trình nghiên cứu KH&CN phục vụ xây dựng hệ thống chính trị, an ninh, quốc phòng Thủ đô; CT02: Chương trình nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển bền vững kinh tế Thủ đô trong bối cảnh hội nhập quốc tế; CT03: Chương trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp thành phố Hà Nội; CT04: Chương trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới; CT05: Chương trình nghiên cứu KH&CN phục vụ quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị, bảo vệ môi trường thành phố Hà Nội; CT06: Chương trình nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển văn hóa - xã hội Thủ đô Hà Nội; CT07: Chương trình nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao và đổi mới sáng tạo; CT08: Chương trình nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân thành phố Hà Nội; CT09: Chương trình nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố Hà Nội. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trong giai đoạn 2021-2025, trong số các cơ quan, tổ chức tham gia chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố, có 30.69% là các viện nghiên cứu và các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng KHCN, 35,64% là các trường đại học, cao đẳng, 6,93% là các doanh nghiệp trên địa bàn, còn lại là các cơ quan, tổ chức khác như bộ, sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp của Trung ương và Thành phố. [↑](#footnote-ref-5)